

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 04/2010/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 25 tháng 01 năm 2010

CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ
CÔNG VĂN ĐẾN
Số:.....824.....
Ngày: 26 tháng 01 năm 2010.
Kính chuyển:.....

QUYẾT ĐỊNH

**Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức
của Tổng cục Lâm nghiệp trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn**

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Nghị định số 178/2007/NĐ-CP ngày 03 tháng 12 năm 2007 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ, cơ quan ngang Bộ;

Căn cứ Nghị định số 01/2008/NĐ-CP ngày 03 tháng 01 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Nghị định số 75/2009/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2009 của Chính phủ về việc sửa đổi Điều 3 Nghị định số 01/2008/NĐ-CP ngày 03 tháng 01 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Vị trí và chức năng

1. Tổng cục Lâm nghiệp là cơ quan trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, thực hiện chức năng tham mưu, giúp Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý nhà nước và thực thi nhiệm vụ quản lý nhà nước về lâm nghiệp trong phạm vi cả nước; quản lý, chỉ đạo các hoạt động dịch vụ công thuộc phạm vi quản lý của Tổng cục.

2. Tổng cục Lâm nghiệp có tư cách pháp nhân, con dấu hình Quốc huy, tài khoản riêng, kinh phí hoạt động do ngân sách nhà nước cấp, trụ sở tại thành phố Hà Nội.

Điều 2. Nhiệm vụ và quyền hạn

1. Trình Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành theo thẩm quyền hoặc đề Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền:

a) Dự án luật, dự thảo nghị quyết của Quốc hội; dự án pháp lệnh, dự thảo nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; dự thảo nghị định của Chính phủ, dự thảo quyết định của Thủ tướng Chính phủ về lâm nghiệp;

b) Chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển dài hạn, năm năm, hàng năm, chương trình, dự án, đề án và công trình quan trọng quốc gia về lâm nghiệp;

c) Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, quy trình chuyên môn, nghiệp vụ, quy phạm kỹ thuật và định mức kinh tế - kỹ thuật chuyên ngành lâm nghiệp.

2. Trình Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tiêu chuẩn quốc gia để đề nghị cơ quan có thẩm quyền thẩm định, công bố.

3. Tổ chức tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về lâm nghiệp.

4. Tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án, đề án về lâm nghiệp sau khi được phê duyệt hoặc ban hành.

5. Ban hành văn bản hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ, văn bản quy phạm nội bộ, văn bản cá biệt thuộc phạm vi quản lý của Tổng cục Lâm nghiệp; thẩm định và công bố tiêu chuẩn cơ sở chuyên ngành.

6. Về quản lý rừng:

a) Trình Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đề trình cấp có thẩm quyền ban hành quy chế quản lý rừng;

b) Trình Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tiêu chí xác định và phân loại rừng, các phân khu chức năng của rừng đặc dụng; công bố quy hoạch, kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng, kết quả thống kê rừng, diễn biến rừng năm năm và hàng năm theo quy định của pháp luật;

c) Chỉ đạo việc điều tra, xác định ranh giới các loại rừng; hướng dẫn nội dung, biểu mẫu, phương pháp thống kê rừng, kiểm kê rừng, theo dõi diễn biến rừng, tài nguyên rừng, đất để trồng rừng và lập hồ sơ quản lý rừng;

d).Thẩm định quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng và các chương trình, dự án đầu tư vùng nguyên liệu tập trung của các địa phương theo quy định;

đ) Hướng dẫn và chỉ đạo thực hiện việc giao rừng, cho thuê rừng, thu hồi rừng, chuyển mục đích sử dụng rừng, quy hoạch nương rẫy và hoạt động về chứng chỉ rừng bền vững.

7. Về bảo vệ rừng:

a) Chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra việc bảo vệ rừng, chống chặt, phá rừng trái phép và xử lý các hành vi vi phạm pháp luật trong lĩnh vực quản lý, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản;

b) Chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra phòng cháy, chữa cháy rừng; tổ chức cảnh báo, dự báo nguy cơ cháy rừng, phát hiện sớm lửa rừng. Trình Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổ chức lực lượng chuyên ngành phòng cháy, chữa cháy rừng;

c) Tham mưu cho Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huy động lực lượng, phương tiện của các cơ quan kiểm lâm và yêu cầu huy động lực lượng, phương tiện của các Bộ, ngành và các địa phương kịp thời ngăn chặn những vụ phá rừng nghiêm trọng, chữa cháy rừng trong những trường hợp cần thiết theo quy định của pháp luật;

d) Chỉ đạo thống nhất về chuyên môn, nghiệp vụ của lực lượng kiểm lâm, các lực lượng bảo vệ rừng; chỉ đạo và tổ chức thực hiện việc trang bị vũ khí, công cụ, phương tiện cho lực lượng kiểm lâm và các lực lượng bảo vệ rừng;

đ) Phối hợp với cơ quan bảo vệ thực vật tổ chức dự báo tình hình dịch bệnh, hướng dẫn và kiểm tra công tác phòng, trừ sinh vật hại rừng.

8. Về bảo tồn thiên nhiên rừng:

a) Xây dựng đề Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trình cấp có thẩm quyền quy định về tổ chức và quản lý các khu rừng đặc dụng, về chế độ quản lý, bảo vệ và danh mục những loài thực vật, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm;

b) Hướng dẫn, chỉ đạo xây dựng hệ thống rừng đặc dụng trên phạm vi cả nước; trực tiếp quản lý các Vườn quốc gia được giao;

c) Hướng dẫn về bảo tồn thiên nhiên, giáo dục môi trường gắn với cộng đồng tại các khu bảo tồn thiên nhiên. Chỉ đạo, hướng dẫn việc đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng và các hoạt động nghiên cứu, quản lý bảo vệ đối với các khu rừng đặc dụng;

d) Tổ chức điều tra, đánh giá động vật, thực vật và vi sinh vật đặc hữu theo quy định của pháp luật;

đ) Trình Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các quy định về săn bắt động vật rừng, công bố Danh mục các loài thuộc phụ lục Công ước về buôn bán quốc tế các loài động, thực vật hoang dã nguy cấp. Tổ chức thực hiện các quy định về Công ước;

e) Hướng dẫn, kiểm tra và chỉ đạo xử lý vi phạm trong hoạt động gây nuôi, trồng cây nhân tạo động vật, thực vật hoang dã và bảo vệ môi trường rừng theo quy định của pháp luật.

9. Về phát triển rừng:

a) Trình Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tiêu chí về trạng thái các loại rừng, tiêu chí rừng trồng và rừng khoanh nuôi, biện pháp lâm sinh phát triển rừng; hướng dẫn sản xuất nông nghiệp, thủy sản kết hợp với sản xuất lâm nghiệp;

b) Chỉ đạo xây dựng và kiểm tra việc thực hiện các đề án, dự án, cơ chế chính sách phát triển rừng gắn với xóa đói, giảm nghèo, bảo vệ môi trường và cải thiện đời sống nhân dân ở vùng có rừng;

c) Hướng dẫn, chỉ đạo thực hiện việc trồng cây phân tán, trồng và phát triển lâm sản ngoài gỗ.

10. Về giống cây lâm nghiệp:

a) Hướng dẫn, chỉ đạo xây dựng quy hoạch và phát triển hệ thống vườn giống, rừng giống cây lâm nghiệp;

b) Trình Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy chế quản lý giống, danh mục cây trồng lâm nghiệp, các nguồn giống, vườn giống cây trồng lâm nghiệp; tổ chức, chỉ đạo các hoạt động kiểm định, kiểm nghiệm chất lượng giống cây lâm nghiệp; cấp, thu hồi các loại giấy phép, giấy chứng nhận về giống cây lâm nghiệp theo quy định.

11. Về sử dụng rừng:

a) Trình Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy chế khai thác gỗ và lâm sản; hạn mức khai thác gỗ rừng tự nhiên;

b) Hướng dẫn, thẩm định phương án quản lý rừng bền vững và điều chế rừng; hướng dẫn việc thẩm định hồ sơ tổng hợp thiết kế khai thác gỗ rừng tự nhiên;

c) Trình Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy hoạch chế biến gỗ và lâm sản gắn với quy hoạch vùng nguyên liệu và tổ chức phát triển rừng; quy chế sử dụng dịch vụ môi trường rừng;

d) Hướng dẫn, kiểm tra và chỉ đạo việc khai thác, sử dụng rừng.

12. Tổ chức chỉ đạo công tác điều tra cơ bản, thống kê và quản lý các cơ sở dữ liệu theo quy định.
13. Tổ chức thực hiện nghiên cứu khoa học, ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ về lĩnh vực lâm nghiệp và công tác khuyến lâm theo phân cấp của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.
14. Thực hiện hợp tác quốc tế về lâm nghiệp theo phân cấp của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và theo quy định của pháp luật.
15. Thực hiện cải cách hành chính trong lĩnh vực lâm nghiệp theo kế hoạch cải cách hành chính của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.
16. Quản lý tổ chức bộ máy, biên chế; thực hiện chế độ tiền lương và các chính sách, chế độ đãi ngộ, thi đua, khen thưởng, kỷ luật; bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ đối với công chức, viên chức thuộc Tổng cục; thực hành tiết kiệm, phòng, chống lãng phí; phòng, chống tham nhũng trong Tổng cục; tham gia đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ đối với công chức, viên chức thuộc quyền quản lý của Tổng cục theo quy định của pháp luật và phân cấp của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.
17. Hướng dẫn và kiểm tra đối với hoạt động của các hội và tổ chức phi chính phủ trong lĩnh vực lâm nghiệp theo phân cấp của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và quy định của pháp luật.
18. Kiểm tra, thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý các vi phạm trong lĩnh vực lâm nghiệp.
19. Quản lý đầu tư xây dựng theo phân cấp của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và quy định của pháp luật.
20. Quản lý tài chính, tài sản được giao theo quy định. Quản lý Quỹ bảo vệ và phát triển rừng Việt Nam và các nguồn tài chính của quốc tế hỗ trợ cho ngành lâm nghiệp.
21. Quản lý và thực hiện nhiệm vụ của Văn phòng thường trực Ban Điều hành dự án trồng mới 5 triệu ha rừng; Văn phòng Ban Chỉ đạo Trung ương về các vấn đề cấp bách trong bảo vệ và phòng cháy, chữa cháy rừng; Cơ quan thẩm quyền quản lý CITES; Đại diện của Việt Nam tại Diễn đàn Hồ toàn cầu; Hiệp định ASEAN về ô nhiễm khói mù xuyên biên giới; Văn phòng điều phối Đối tác hỗ trợ ngành lâm nghiệp; Văn phòng thường trực Công ước Chống sa mạc hoá; Đầu mối về thực hiện Nghị định thư về phát triển lâm nghiệp cộng đồng khu vực Châu Á - Thái Bình Dương.
22. Thực hiện các nhiệm vụ khác do Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn giao hoặc theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Cơ cấu tổ chức

1. Vụ Kế hoạch - Tài chính;
2. Vụ Khoa học, Công nghệ và Hợp tác quốc tế;
3. Vụ Phát triển rừng;
4. Vụ Sử dụng rừng;
5. Vụ Bảo tồn thiên nhiên;
6. Cục Kiểm lâm;
7. Văn phòng Tổng cục (có đại diện tại thành phố Hồ Chí Minh);
8. Thanh tra Tổng cục;
9. Cơ quan quản lý CITES Việt Nam;
10. Viện Điều tra, Quy hoạch rừng;
11. Vườn quốc gia Tam Đảo;
12. Vườn quốc gia Ba Vì;
13. Vườn quốc gia Cúc Phương;
14. Vườn quốc gia Bạch Mã;
15. Vườn quốc gia Cát Tiên;
16. Vườn quốc gia YokDon.

Tại Điều này, các tổ chức từ khoản 1 đến khoản 9 là các tổ chức giúp Tổng cục trưởng thực hiện chức năng quản lý nhà nước; các tổ chức từ khoản 10 đến khoản 16 là các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Tổng cục.

Điều 4. Lãnh đạo Tổng cục

1. Tổng cục Lâm nghiệp có Tổng cục trưởng và không quá 03 Phó Tổng cục trưởng.

2. Tổng cục trưởng Tổng cục Lâm nghiệp do Thứ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn kiêm nhiệm, chịu trách nhiệm trước Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và trước pháp luật về toàn bộ hoạt động của Tổng cục.

Tổng cục trưởng Tổng cục Lâm nghiệp quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của các cơ quan, đơn vị trực thuộc Tổng cục; ban hành Quy chế làm việc của Tổng cục; bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức cán bộ, công chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý thuộc Tổng cục theo quy định của pháp luật và phân cấp quản lý cán bộ của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

3. Các Phó Tổng cục trưởng do Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức theo đề nghị của Tổng cục trưởng; chịu trách nhiệm trước Tổng cục trưởng và trước pháp luật về lĩnh vực công tác được phân công.

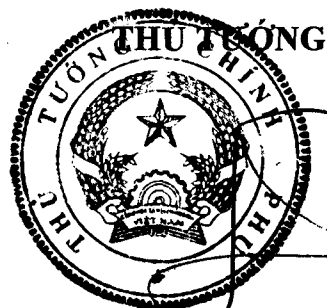
Điều 5. Hiệu lực và trách nhiệm thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 3 năm 2010.

2. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Tổng cục trưởng Tổng cục Lâm nghiệp chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- VP BCĐ TW về phòng, chống tham nhũng;
- HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách Xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- UBTW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Tổng cục Lâm nghiệp, Bộ NN&PTNT;
- VPCP: BTCN, các PCN, Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: Văn thư, TCCV (5b). **290**



Nguyễn Tấn Dũng